

Số: 48/TCĐ/2014

TP HCM, ngày 14 tháng 07 năm 2014

(V/v: Giải trình chênh lệch số liệu báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2013)

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Kính gửi:

Số: 24503

**ĐẾN** Ngày: 17/7/14

Chuyển: M

Lưu hồ sơ số:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH
- QUỸ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ theo:

- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho kỳ kế toán 12 tháng từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (ITD) lập;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ kế toán 12 tháng từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (ITD).

Công ty chúng tôi xin giải trình về chênh lệch dữ liệu trên báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của công ty đã cung cấp ngày 14/05/2014 và báo cáo riêng và hợp nhất của công ty có xác nhận của đơn vị kiểm toán độc lập phát hành ngày 16/06/2014 và ngày 24/06/2014 như sau:

**I. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH SỐ LIỆU GIỮA BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TRƯỚC VÀ SAU KHI ĐƯỢC KIỂM TOÁN:**

Do quá trình lập dữ liệu, có phần chưa ghi nhận đầy đủ và có phần chưa thống nhất cách hạch toán với Kiểm toán nên điều chỉnh và bổ sung các dữ liệu cụ thể:

**1. Chênh lệch dữ liệu trên báo cáo tài chính riêng:**

**a. Dữ liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

Nội dung	Báo cáo ngày 14/05/14	Báo cáo ngày 16/06/14	Chênh lệch	Tỷ lệ
Lợi nhuận kế toán sau thuế	1.100.115.540	1.259.704.540	-159.589.000	-13%

**Nguyên nhân:**

Do Kiểm toán điều chỉnh kết quả lợi nhuận của công ty con (Toàn Cầu) dẫn đến tăng doanh thu phi nhượng quyền chuyển về ITD.

**b. Dữ liệu số dư trên bảng cân đối kế toán:**

Nội dung	Báo cáo ngày 14/05/14	Báo cáo ngày 16/06/14	Chênh lệch
<b>Tài sản</b>			
Phải thu khách hàng	39.278.028.825	39.437.617.825	159.589.000
Các khoản phải thu khác	34.719.504.700	34.831.178.700	111.674.000
<b>Nguồn vốn</b>			
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.780.954.902	1.892.628.902	111.674.000
Lợi nhuận chưa phân phối	19.550.507.112	19.710.096.112	159.589.000

**Nguyên nhân:**

Do Kiểm toán điều chỉnh kết quả lợi nhuận của công ty con (Toàn Cầu) dẫn đến tăng doanh thu phi nhượng quyền và tăng quỹ phúc lợi chuyển về ITD.

**2. Chênh lệch dữ liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất:**
**a. Dữ liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:**

Nội dung	Báo cáo ngày 14/05/14	Báo cáo ngày 24/06/14	Chênh lệch	Tỷ lệ
Lợi nhuận kế toán sau thuế hợp nhất	18.852.079.539	19.605.551.103	753.471.564	4%

**Diễn giải nguyên nhân chênh lệch:**

STT	Diễn giải	Số tiền
1	Điều chỉnh tăng lợi nhuận từ việc kiểm toán điều chỉnh dữ liệu lợi nhuận từ các công ty con.	1.804.498.625
2	Điều chỉnh tăng cổ tức từ công ty liên kết	518.515.448
3	Điều chỉnh giảm lãi do ghi nhận tăng dự phòng đầu tư công ty liên kết.	(1.486.331.355)
4	Điều chỉnh giảm lãi do loại trừ lãi chưa thực hiện từ giao dịch mua bán hàng hóa tồn kho, tài sản cố định.	(124.800.496)
5	Điều chỉnh tăng thuế TNDN do ảnh hưởng các khoản điều chỉnh tăng.	41.589.342
	<b>Tổng</b>	<b>753.471.564</b>

**b. Dữ liệu số dư trên bảng cân đối kế toán:**

Mã số	Nội dung	Báo cáo ngày 14/05/14	Báo cáo ngày 24/06/14	Khác biệt
100	<b>Tài Sản ngắn hạn</b>			
112	<b>Các khoản tương đương tiền</b>			
		14.448.000.000	22.948.000.000	8.500.000.000
	Chuyển hạch toán từ đầu tư ngắn hạn sang các khoản tương đương tiền do các công ty con điều chỉnh gồm AIT: 5.000.000.000; RTC: 3.500.000.000			
121	<b>Đầu tư ngắn hạn</b>			
		68.999.869.706	55.795.765.119	-13.204.104.587
	Chuyển hạch toán từ đầu tư ngắn hạn sang các khoản tương đương tiền do các công ty con điều chỉnh gồm AIT: -5.000.000.000; RTC: -3.500.000.000 và hợp nhất tăng điều chỉnh đầu tư ngắn hạn vào QEC: -4.704.104.587			
131	<b>Phải thu khách hàng</b>			
		129.433.409.489	131.532.554.237	2.099.144.748
	Do kiểm toán điều chỉnh số liệu ở báo cáo riêng của ITD: 159.589.000, GLT hợp nhất: 1.267.557.522, RTC 70.000.000, điều chỉnh do hợp nhất báo cáo ITD: 601.998.226.			
135	<b>Các khoản phải thu khác</b>			
		37.899.588.402	6.462.132.472	-31.437.455.930
	Hợp nhất tăng điều chỉnh khoản phải thu khác từ QEC: 20.636.778.890, GSC: 111.674.000, QMC: 916.951.347; Tăng điều chỉnh khoản ITDS phải thu QEC: 9.945.500.000 và giảm khoản phải thu do kiểm toán điều chỉnh giám dữ liệu của các công ty con: -168.448.307			
139	<b>Dự phòng phải thu khó đòi</b>			
		-11.927.725.420	-9.694.063.247	2.233.662.173
	Giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi do kiểm toán điều chỉnh dữ liệu của các công ty con gồm giảm dự phòng của GLT hợp nhất: 1.283.382.532; tăng dự phòng của QMC: -202.390.200 và giảm dự phòng RTC: 1.152.668.841			
149	<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>			

Mã số	Nội dung	Báo cáo ngày 14/05/14	Báo cáo ngày 24/06/14	Khác biệt
		-11.465.048.962	-9.290.709.387	2.174.339.575
	Tăng khoản dự phòng hàng tồn kho do điều chỉnh giảm từ việc kiểm toán điều chỉnh giảm dữ liệu của công ty con RTC: -1.152.669.841; Giảm khoản dự phòng HTK của QEC: 3.327.009.416			
<b>151</b>	<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>			
		3.761.859.260	2.844.341.471	-917.517.789
	Do kiểm toán điều chỉnh dữ liệu từ các công ty con gồm GLT: -573.575.000; ST: 21.100.000 và RTC: -365.042.789			
<b>160</b>	<b>Tài sản được phân loại chờ thanh lý</b>			
		0	57.094.011.299	57.094.011.299
	Do kiểm toán phân loại hoạt động không liên tục đối với số liệu báo cáo của QEC.			
<b>200</b>	<b>Tài Sản dài hạn</b>			
<b>218</b>	<b>Phải Thu dài hạn khác</b>			
		594.751.460	0	-594.751.460
	Chuyển hạch toán khoản phải thu dài hạn khác sang Tài sản dài hạn khác của các công ty con gồm ST: 219.543.360; AIT: 245.380.100 và RTC: 129.828.000			
<b>221</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>			
		83.111.080.317	55.176.575.756	-27.934.504.561
	Do kiểm toán phân loại hoạt động không liên tục đối với số liệu báo cáo của QEC nên điều chỉnh tài sản của QEC sang mục tài sản chờ thanh lý - 28.043.168.100; Kiểm toán điều chỉnh tăng dữ liệu công ty con RTC: 74.159.805.			
<b>221</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>			
		56.050.369.928	31.799.369.928	-24.251.000.000
	Do kiểm toán phân loại hoạt động không liên tục đối với số liệu báo cáo của QEC nên điều chỉnh tài sản của QEC sang mục tài sản chờ thanh lý.			
<b>259</b>	<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>			
		-8.007.414.687	-6.216.883.355	1.790.531.332
	Giảm khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn do điều chỉnh giảm từ việc kiểm toán điều chỉnh giảm dữ liệu của các công ty con GLT hợp nhất: 966.862.687 và do Hợp nhất tăng điều chỉnh dự phòng các công ty liên kết Định Vị, Thiên Vận: 823.668.645			
<b>261</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>			
		8.963.182.997	4.421.024.470	-4.542.158.527
	Do kiểm toán phân loại hoạt động không liên tục đối với số liệu báo cáo của QEC nên điều chỉnh phát sinh liên quan đến việc thanh lý và phân loại lại tài sản; Kiểm toán điều chỉnh dữ liệu của công ty con: giảm chi phí trả trước dài hạn của Siêu Tỉnh -44.266.667; tăng chi phí trả trước dài hạn của RTC: 290.882.984			
<b>268</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>			
		2.244.609.873	2.878.905.558	634.295.685
	Chuyển hạch toán khoản phải thu dài hạn khác sang Tài sản dài hạn khác của các công ty con gồm ST: 219.543.360; AIT: 245.380.100 và RTC: 129.828.000; Tăng tài sản dài hạn do kiểm toán điều chỉnh tăng dữ liệu công ty RTC: 124.512.010; Và điều chỉnh giảm tài sản dài hạn khác từ công ty con GSC: - 84.967.785			
<b>300</b>	<b>Nợ Phải trả</b>			
<b>311</b>	<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>			
		97.059.961.790	20.612.142.812	-76.447.818.978
	Do kiểm toán phân loại hoạt động không liên tục đối với số liệu báo cáo của QEC nên điều chỉnh phát sinh liên quan đến phân loại các khoản nợ phải trả.			
<b>316</b>	<b>Chi phí phải trả</b>			

104-C  
 IN  
 HỆ  
 NG  
 CHỈ MẪU

Mã số	Nội dung	Báo cáo ngày 14/05/14	Báo cáo ngày 24/06/14	Khác biệt
		11.203.280.978	8.284.444.129	-2.918.836.849
	Do kiểm toán phân loại hoạt động không liên tục đối với số liệu báo cáo của QEC nên điều chỉnh phát sinh liên quan đến phân loại các khoản nợ phải trả.			
<b>320</b>	<b>Dự phòng phải trả ngắn hạn</b>			
		2.735.587.191	5.167.952.873	2.432.365.682
	Tăng khoản dự phòng phải trả ngắn hạn do điều chỉnh giảm từ việc kiểm toán điều chỉnh giảm dữ liệu của công ty con AIT: 2.432.365.682			
<b>329</b>	<b>Các khoản nợ phải trả tương ứng với tài sản phân loại chờ thanh lý</b>			
		0	51.608.213.865	51.608.213.865
	Do kiểm toán phân loại hoạt động không liên tục đối với số liệu báo cáo của QEC nên điều chỉnh phát sinh liên quan đến phân loại các khoản nợ phải trả.			
<b>336</b>	<b>Dự phòng trợ cấp mất việc</b>			
		295.355.867	0	-295.355.867
	Chuyển hạch toán dự phòng trợ cấp mất việc sang dự phòng phải trả dài hạn của công ty con QMC: 295.355.867			
<b>337</b>	<b>Dự phòng phải trả dài hạn</b>			
		1.506.818.921	1.802.174.788	295.355.867
	Chuyển hạch toán dự phòng trợ cấp mất việc sang dự phòng phải trả dài hạn của công ty con QMC: 295.355.867			
<b>339</b>	<b>Quỹ khoa học công nghệ</b>			
		2.231.896.209	1.350.214.264	-881.681.945
	Kiểm toán điều chỉnh giảm quỹ khoa học công nghệ công ty con GLT: -881.681.945			
<b>418</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>			
		3.678.195.600	3.373.473.433	-304.722.167
	Giảm quỹ dự phòng tài chính dài hạn do điều chỉnh giảm từ việc kiểm toán điều chỉnh giảm dữ liệu của công ty con GLT hợp nhất: -634.660.000 và tăng do điều chỉnh hợp nhất: 329.937.833			

Trân trọng kính chào!



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Tổng Giám Đốc

NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT

Nơi gửi:

- Văn bản này được gửi đến HOSE để giải trình chênh lệch số liệu báo cáo tài chính;
- Lưu tại ITD;

T.C.P. H.A.